Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Địa chỉ: Số 11 Phố Cửa Bắc, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Mã số thuế: 0100100079 Số tài khoản: Điện thoại: Số Fax: Email: quanlydauthau@evn.com.vn Đại diện ủy quyền: Ban quản lý Dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ *[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]*
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Không
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Không có quy định khác
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Không
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.
E-ĐKC 10	**10.1. Tạm ứng** a) Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Bên A tạm ứng cho Nhà thầu 20% giá hợp đồng (không bao gồm thuế, dự phòng (nếu có)) trong vòng 30 ngày sau khi Bên A nhận được các tài liệu hợp lệ sau: - 06 bản gốc Giấy đề nghị tạm ứng;

	- 01 bản gốc Bảo lãnh tiền tạm ứng theo quy định tại Điều này với giá trị bảo lãnh tương ứng với số tiền đề nghị tạm ứng. b) Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi toàn bộ bằng cách giảm trừ vào đợt thanh toán đầu tiên. c) Bảo lãnh tạm ứng: - Trong vòng 30 ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu phải nộp cho Bên A Bảo lãnh tạm ứng với giá trị tương ứng với giá trị mà Bên A tạm ứng. Bảo lãnh tiền tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang được chi trả theo yêu cầu của Bên A mà không cần sự xác nhận hoặc chấp thuận trước của Nhà thầu, do một ngân hàng hoặc chi nhánh của ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với nội dung theo mẫu Bảo lãnh tạm ứng mà Bên A chấp thuận. Bảo lãnh tạm ứng phải có hiệu lực cho đến khi có văn bản của Bên A xác nhận đã thu hồi hết tiền tạm ứng. - Nếu các điều khoản của Bảo lãnh tạm ứng nêu rõ ngày hết hạn và Nhà thầu chưa hoàn trả hết số tiền tạm ứng vào thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng cho một khoảng thời gian theo yêu cầu của Bên A để đảm bảo việc thu hồi giá trị tạm ứng theo quy định hợp đồng. Trong trường hợp này, bản tu chỉnh hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng phải được Nhà thầu nộp cho Bên A vào thời điểm không muộn hơn 14 ngày trước ngày hết hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng. Tất cả các chi phí liên quan đến việc gia hạn, cung cấp bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng sẽ do Nhà thầu chịu. - Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: + Bên A có bằng chứng chứng minh Nhà thầu đã sử dụng tiền tạm ứng vào mục đích khác với mục đích thực hiện hợp đồng; + Nhà thầu không gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bảo lãnh tạm ứng hết hạn trước thời điểm Bên A thu hồi đầy đủ số tiền tạm ứng theo quy định tại Điều này; + Nhà thầu không bổ sung số tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị theo quy định, cụ

	thể trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tạm ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định; + Bên A đã thực hiện tạm ứng và Nhà thầu vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng hoặc từ chối thực hiện hợp đồng. - Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng của toàn bộ liên danh. **10.2. Thanh toán** Phương thức thanh toán: Chuyển khoản - Đồng tiền thanh toán: VND. - Số lần thanh toán: Theo tiến độ được quy định tại Điều này. - Thời hạn thanh toán: Tiến độ và thời hạn thanh toán được quy định như sau: (i) Thanh toán đến 80% giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế và giá trị thu hồi tạm ứng) sau khi Hồ sơ phê duyệt địa điểm (giai đoạn 1) được Chủ đầu tư thông qua, trình cấp có thẩm quyền và Bên A nhận được bản gốc các tài liệu sau: + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành có xác nhận của Bên A và Nhà thầu: 10 bản; + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán có xác nhận của Bên A và Nhà thầu: 10 bản; + Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu: 06 bản; + Hóa đơn giá trị gia tăng (VAT). (ii) Thanh toán đến 100% giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế) sau khi Hồ sơ phê duyệt địa điểm (Giai đoạn 1) được cơ quan có thẩm quyền thông qua và có văn bản/quyết định cho phép sử dụng địa điểm để khảo sát phục vụ các bước thiết kế Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1. Nhà thầu phải nộp cho Bên A bản gốc các tài liệu sau:

	+ Biên bản nghiệm thu quyết toán khối lượng công việc hoàn thành có xác nhận của Bên A và Nhà thầu: 10 bản; + Biên bản quyết toán hợp đồng có xác nhận của Bên A và Nhà thầu: 10 bản; + Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu: 06 bản; + Hóa đơn giá trị gia tăng (VAT). Các khoản thanh toán nêu trên sẽ được Bên A chi trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu. Các quy định khác: + Đối với Nhà thầu liên danh, từng thành viên liên danh trực tiếp phát hành Hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) cho Bên A theo đúng quy định pháp luật; + Nếu các biên bản nghiệm thu công việc được yêu cầu trong hồ sơ thanh toán có các tồn tại mà Nhà thầu cần khắc phục, thì việc thanh toán chỉ được thực hiện sau khi Nhà thầu hoàn thành việc khắc phục và được Bên A chấp thuận; + Không áp dụng Khoản 17.1 trong trường hợp việc chậm trễ thanh toán có nguyên nhân khách quan.
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi từ Bên A. Nhà thầu có trách nhiệm sửa đổi, hoàn thiện Hồ sơ phê duyệt địa điểm (giai đoạn 1) của Dự án theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Bên A cho đến khi hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và cấp phép sử dụng địa điểm.
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Không quy định
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 05 ngày (kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A)

E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: Thống nhất trong quá trình hoàn thiện hợp đồng và phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT.
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng *[Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT]*.
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu cần thiết phải thuê nhà thầu phụ thì nhà thầu phải cung cấp hồ sơ năng lực của nhà thầu phụ, phạm vi công việc thầu phụ dự kiến thực hiện cho Bên A xem xét, thỏa thuận trước khi thực hiện. - Nhà thầu phụ phải có giấy phép hành nghề theo quy định của pháp luật, có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện phần công việc mà mình đảm nhận. - Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Bên A và pháp luật về chất lượng, tiến độ thực hiện phạm vi công việc của nhà thầu phụ được giao theo hợp đồng này. - Bất kỳ phát sinh nào từ việc từ chối của Bên A trong việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT sẽ thuộc trách nhiệm của Nhà thầu, ví dụ như chậm tiến độ, chi phí…
E-ĐKC 17	1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng a) Nhà thầu bị phạt theo mức : 0,2% giá hợp đồng cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. Tổng số tiền phạt không vượt quá : 642.999.000 đồng. (điều chỉnh sau theo giá trúng thầu thực tế). Bên A có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. Quy định chi tiết: Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị hợp đồng. b) Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên

	chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu. 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng - Các bên sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại và giá trị bồi thường thiệt hại thực hiện theo qui định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. - Trường hợp Nhà thầu không hợp tác trong việc lập các hồ sơ quyết toán, thực hiện quyết toán hợp đồng thì Bên A có quyền chủ động quyết định quyết toán và Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về toàn bộ các tổn thất, thiệt hại trong trường hợp này.
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng sau 28 ngày kể từ khi gửi văn bản thông báo kết thúc Hợp đồng cho Nhà thầu mà không phải bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau: a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A hạn; b) Nhà thầu bị phá sản, giải thể; c) Nhà thầu chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A; d) Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương; e) Nhà thầu từ chối không tuân theo các quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử theo quy định tại Điều 22 [Giải quyết tranh chấp].
E-ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Bên A: Nhà thầu có quyền chấm dứt Hợp đồng sau 28 ngày kể từ khi gửi văn bản thông báo kết thúc Hợp đồng cho Bên A mà không phải bồi thường thiệt hại trong những trường hợp sau:

	a) Công việc bị ngừng do lỗi chủ quan của Bên A trong khoảng thời gian 45 ngày; b) Bên A chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự chấp thuận của Nhà thầu; c) Bên A bị phá sản, giải thể; d) Bên A không tuân theo các quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử theo quy định tại Điều 22 [Giải quyết tranh chấp].
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp: Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm giải quyết tranh chấp tại thành phố Hà Nội, ngôn ngữ trọng tài là Tiếng Việt, số lượng trọng tài viên là 3 (ba). Phán quyết của trọng tài là chung thẩm và ràng buộc các bên.
E-ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của Bên A: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỆN HẠT NHÂN NINH THUẬN – Số 11 Phố Cửa Bắc, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội Điện thoại: Fax: _____ E-mail: dauthau.evnnpb@evn.com.vn - Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____

BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THOẢ THUẬN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng số: .... /2026/HĐ/EVNNPB-...

Về việc thực hiện gói thầu số 01TV-NT1: Tư vấn khảo sát, cập nhật hồ sơ phê duyệt địa điểm – giai đoạn 1 (SAD1) để cấp phép sử dụng địa điểm cho công tác khảo sát phục vụ các bước thiết kế NMĐHN Ninh Thuận 1.

Căn cứ:

- Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội khóa XIII;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;

- Luật Năng lượng nguyên tử số: 18/2008/QH12 ngày 03/06/2008;

- Luật Đầu tư công số: 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Luật Đấu thầu số: 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;

- Luật số: 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý; Sử dụng tài sản công;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

- Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội khóa XV tại kỳ họp thứ 8 có nội dung tiếp tục thực hiện chủ trương đầu tư Dự án ĐHN Ninh Thuận;

- Nghị quyết số 189/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội khóa XV về một số cơ chế, chính sách đặc biệt đầu tư xây dựng dự án ĐHN Ninh Thuận;

- Nghị định số 70/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 13/2009/TT-BKHCN ngày 20/05/2009 Hướng dẫn đánh giá sơ bộ về an toàn hạt nhân đối với địa điểm nhà máy điện hạt nhân trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư; Thông tư số 20/2025/TT-BKHCN ngày 06/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 13/2009/TT-BKHCN;

- Thông tư số 28/2011/TT-BKHCN ngày 28/10/2011 Quy định về yêu cầu an toàn hạt nhân đối với địa điểm Nhà máy điện hạt nhân;

- Thông tư số 29/2012/TT-BKHCN ngày 19/12/2012 Quy định nội dung báo cáo phân tích an toàn sơ bộ trong hồ sơ đề nghị phê duyệt địa diểm nhà máy điện hạt nhân;

- Thông tư số 30/2012/TT-BKHCN ngày 28/12/2012 Quy định yêu cầu về an toàn hạt nhân đối với thiết kế Nhà máy điện hạt nhân;

- Thông tư số 21/2013/TT-BKHCN ngày 12/09/2013 Quy định việc áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về an toàn hạt nhân trong lựa chọn địa điểm, thiết kế, xây dựng, vận hành và tháo dỡ Nhà máy điện hạt nhân;

- Thông tư số 08/2014/TT-BKHCN ngày 26/05/2014 Quy định nội dung Báo cáo phân tích an toàn trong hồ sơ phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện hạt nhân;

- Thông tư số 12/2015/TT-BKHCN ngày 20/7/2015 Quy định về phân tích an toàn đối với Nhà máy điện hạt nhân;

- Thông tư số 10/2016/TT-BKHCN ngày 13/6/2016 Quy định nội dung Báo cáo phân tích an toàn trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng Nhà máy điện hạt nhân;

- Quyết định số 245/QĐ-TTg ngày 05/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 794/QĐ-TTg ngày 08/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Dự án di dân, tái định cư của các Dự án NMĐHN Ninh Thuận;

- Quyết định số 2976/QĐ-BCT ngày 17/6/2011 của Bộ Công Thương điều chỉnh định hướng quy hoạch phát triển điện hạt nhân ở Việt Nam giai đoạn đến 2030;

- Quyết định số 6070/QĐ-BCT ngày 17/6/2015 của Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh quy hoạch địa điểm xây dựng NMĐHN Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2;

- Văn bản số 381/TTg-CN ngày 01/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chủ đầu tư thực hiện các Dự án ĐHN Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2;

- Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của EVN về việc ban hành Quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Quyết định số ..... /QĐ-EVN ngày ... /.../2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu số 01TV-NT1: Tư vấn khảo sát, cập nhật hồ sơ phê duyệt địa điểm – giai đoạn 1 (SAD1) để cấp phép sử dụng địa điểm cho công tác khảo sát phục vụ các bước thiết kế NMĐHN Ninh Thuận 1.

- Quyết định số ...../QĐ-EVN ngày ...../..../2026 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01TV-NT1: Tư vấn khảo sát, cập nhật hồ sơ phê duyệt địa điểm – giai đoạn 1 (SAD1) để cấp phép sử dụng địa điểm cho công tác khảo sát phục vụ các bước thiết kế NMĐHN Ninh Thuận 1..

- Biên bản thương thảo hợp đồng ngày ..../...../2026 giữa Ban Quản lý dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận và .....

Hôm nay ngày ..../..../2026 tại Văn phòng đại diện Ban Quản lý dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận, số 11 phố Cửa Bắc, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội, Chúng tôi, đại diện cho các bên ký kết hợp đồng, gồm có:

1. BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỆN HẠT NHÂN NINH THUẬN – CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM (sau đây gọi là Bên A/ Chủ đầu tư):

Đại diện	:	**Ông Nguyễn Tiến Thành**
Chức vụ	:	Giám đốc.
Địa chỉ	:	Đường Lê Thánh Tông, phường Đông Hải, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
Điện thoại	:	
E-mail	:	info.evnnpb@evn.com.vn
Ngân hàng	:	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Ba Đình.
Tài khoản	:	**7234199999**
Mã số thuế	:	0100100079-082

Giấy ủy quyền số 7643/UQ-EVN ngày 18/12/2023 của Tổng giám đốc EVN

2. CÔNG TY ……...… (sau đây gọi là Bên B/Nhà thầu):

Đại diện	:	**Ông** .....
Chức vụ	:	Giám đốc.
Địa chỉ	:	.....
Điện thoại	:	.....
E-mail	:	.....

Tài khoản : .....

Mã số thuế : .....

Giấy ủy quyền số: …. Ngày …. Tháng … năm 202.. *(trường hợp được ủy quyền)*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng để thực hiện gói thầu số 01TV-NT1: Tư vấn khảo sát, cập nhật hồ sơ phê duyệt địa điểm (SAD) để cấp phép sử dụng địa điểm cho công tác khảo sát phục vụ các bước thiết kế Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1, với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A "Điều khoản tham chiếu".

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Thoả thuận hợp đồng;

2. Phụ lục hợp đồng gồm:

- Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu;

- Phụ lục B: Danh sách nhân sự của nhà thầu tham gia thực hiện Hợp đồng;

3. Biên bản thương thảo hợp đồng;

4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;

6. E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn;

7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung E-HSMT;

8. Các tài liệu có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;

2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B "Danh sách nhân sự của nhà thầu" để thực hiện dịch vụ;

3. Nộp báo cáo cho Bên A trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục A "Điều khoản tham chiếu";

4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên A

1. Bên A cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Giá trị hợp đồng: **…** đồng *(Bằng chữ: ...).* Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Thời hạn thanh toán: Nêu tại Điều 10 **E-ĐKCT**

3. Phương thức thanh toán: Nêu tại Điều 10 **E-ĐKCT**

Điều 6. Loại hợp đồng

Hợp đồng này được thực hiện theo loại hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: **6 tháng** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Bên B hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.

Điều 8. Giá trị công việc nhà thầu phụ thực hiện

Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng.

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng:

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được hai bên ký kết.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành quyết toán, thanh lý hoặc chấm dứt hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 12 bộ, Bên A giữ 10 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B **GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN A** **GIÁM ĐỐC**
	NGUYỄN TIẾN THÀNH

PHỤ LỤC

- Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu;
- Phụ lục B: Danh sách nhân sự của nhà thầu tham gia thực hiện Hợp đồng.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG (1)

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Ban Quản lý dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam

(Sau đây gọi là "Chủ đầu tư")

Hợp đồng số_____ *[ghi số hợp đồng]* được ký giữa Ban quản lý dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Nhà thầu ____ *[ghi tên Nhà thầu]* về việc: Thực hiện gói thầu _____ *[ghi tên Gói thầu, Dự án]*, (Sau đây gọi là "Hợp đồng").

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) phải cung cấp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng*(2)*]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại* ***Mục 10 E- ĐKCT****].*

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng đầu tiên theo hợp đồng và sẽ hết hiệu lực sau khi Chủ đầu tư thu hết số tiền tạm ứng và văn bản xác nhận của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục **10 ĐKCT**.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG [(1)]

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Ban Quản lý dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Hợp đồng số_____ *[ghi số hợp đồng]* được ký giữa Ban quản lý dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Nhà thầu ____ *[ghi tên Nhà thầu liên danh]* về việc: Thực hiện gói thầu _____ *[ghi tên Gói thầu, Dự án]*, (Sau đây gọi là "Hợp đồng").

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ *[ghi tên và địa chỉ của thành viên Liên danh]* là thành viên Liên danh thuộc Nhà thầu liên danh_____[*ghi tên Nhà thầu Liên danh*] (sau đây gọi là Nhà thầu) phải cung cấp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng*[(2)]*]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại* ***Mục 10 E- ĐKCT****]*. Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng của tất cả các thành viên trong liên danh nếu có bất kì thành viên liên danh nào vi phạm các quy định của Hợp đồng.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng đầu tiên theo hợp đồng và sẽ hết hiệu lực sau khi Chủ đầu tư thu hết số tiền tạm ứng và văn bản xác nhận của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục **10 ĐKCT**.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.